

CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN ĐÀO TẠO & PHÁT TRIỂN KINH DOANH TRỰC TUYẾN TTV

CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN HỌC VIỆN ĐÀO TẠO & PHÁT TRIỂN KINH DOANH TRỰC TUYẾN TTV

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: TTV ONLINE BUSINESS TRAINING & DEVELOPMENT ACADEMY JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: TTV ACADEMY ONLINE

2. Mã số doanh nghiệp: 0110240565

3. Ngày thành lập: 02/02/2023

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Số 79 phố Thiên Hiền, Phường Mỹ Đình 1, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0987826850

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa Chi tiết: - Đại lý bán hàng hóa - Môi giới mua bán hàng hóa (Trừ môi giới chứng khoán, môi giới bảo hiểm) (Trừ hoạt động đấu giá)	4610
2.	Bán buôn thực phẩm	4632
3.	Bán buôn đồ uống	4633
4.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
5.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình Chi tiết: - Bán buôn dược phẩm và dụng cụ y tế; - Bán buôn nước hoa, hàng mỹ phẩm và chế phẩm vệ sinh: Bán buôn nước hoa, nước thơm, dầu thơm; Bán buôn hàng mỹ phẩm: son, phấn, kem dưỡng da và trang điểm, mỹ phẩm dùng cho mắt...; Chế phẩm vệ sinh: xà phòng thơm, nước gội đầu, sữa tắm, chế phẩm khử mùi hôi, khăn giấy, tã giấy, giấy vệ sinh...	4649
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (Trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)	4662
7.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
8.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu (Trừ loại nhà nước cấm)	4669
9.	Hoạt động dịch vụ liên quan đến các cuộc gọi	8220

10.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại Chi tiết: tổ chức Hội chợ triển lãm thương mại, tổ chức sự kiện (Không thực hiện các hiệu ứng cháy, nổ; không sử dụng chất nổ, chất cháy, hóa chất làm đạo cụ, dụng cụ thực hiện các chương trình văn nghệ, sự kiện, phim ảnh; Trừ hợp báo)	8230
11.	Dịch vụ đóng gói	8292
12.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh; (Điều 28, Luật Thương mại 2005); - Địa chỉ mã vạch; - Dịch vụ sắp xếp thư; - Ủy thác xuất nhập khẩu.	8299
13.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu - Giáo dục không xác định theo cấp độ tại các trung tâm đào tạo bồi dưỡng; - Đào tạo kỹ năng nói trước công chúng, trước người xem và theo dõi qua phương tiện điện tử; - Dạy kỹ năng đàm thoại, thuyết phục người nghe và theo dõi trực tiếp hoặc qua phương tiện điện tử; - Đào tạo về sự sống	8559(Chính)
14.	Tư vấn máy vi tính và quản trị hệ thống máy vi tính	6202
15.	Hoạt động dịch vụ công nghệ thông tin và dịch vụ khác liên quan đến máy vi tính Chi tiết: - Dịch vụ cơ sở dữ liệu - Tư vấn, phân tích, lập kế hoạch, phân loại, thiết kế trong lĩnh vực công nghệ thông tin; tích hợp hệ thống, chạy thử, dịch vụ quản lý ứng dụng, cập nhật, bảo mật trong lĩnh vực công nghệ thông tin; thiết kế, lưu trữ, duy trì trang thông tin điện tử; bảo hành, bảo trì, đảm bảo an toàn mạng và thông tin; cập nhật, tìm kiếm, lưu trữ, xử lý dữ liệu và khai thác cơ sở dữ liệu; đào tạo công nghệ thông tin	6209
16.	Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan	6311
17.	Cổng thông tin Chi tiết: Hoạt động điều hành các website, Dịch vụ thương mại điện tử, sàn thương mại điện tử (Trừ hoạt động báo chí, Nhà nước cấm)	6312

18.	Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Các dịch vụ thông tin qua điện thoại; - Các dịch vụ tìm kiếm thông tin thông qua hợp đồng hay trên cơ sở phí;	6399
19.	Hoạt động hỗ trợ dịch vụ tài chính chưa được phân vào đâu Chi tiết: Hoạt động tư vấn đầu tư; Các dịch vụ ủy thác, giám sát trên cơ sở phí và hợp đồng (không bao gồm tư vấn pháp luật, tài chính, kế toán, kiểm toán, thuế và chứng khoán)	6619
20.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê Chi tiết: Kinh doanh bất động sản (Điều 3 Luật kinh doanh bất động sản 2014)	6810
21.	Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất Chi tiết: - Dịch vụ tư vấn Bất động sản (Điều 74 Luật kinh doanh bất động sản 2014) - Quản lý bất động sản (Điều 75 Mục 4 chương IV Luật kinh doanh bất động sản) (Trừ hoạt động đấu giá)	6820
22.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
23.	Kiểm tra và phân tích kỹ thuật	7120
24.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học y, dược	7213
25.	Nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ trong lĩnh vực khoa học xã hội	7221
26.	Quảng cáo (Không bao gồm quảng cáo thuốc lá, rượu, bia)	7310
27.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (Không bao gồm dịch vụ điều tra và thông tin Nhà nước cấm)	7320
28.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng Chi tiết: Hoạt động trang trí nội thất.	7410
29.	Hoạt động nhiếp ảnh (Trừ hoạt động của phóng viên ảnh)	7420
30.	Bán buôn tổng hợp (Trừ hoạt động đấu giá, loại nhà nước cấm)	4690
31.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc láo chiếm tỷ trọng lớn trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp (Không bao gồm kinh doanh quán bar, đấu giá)	4711

32.	Bán lẻ khác trong các cửa hàng kinh doanh tổng hợp Chi tiết: Bán lẻ thực phẩm chức năng;	4719
33.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
34.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
35.	Sản xuất thực phẩm khác chưa được phân vào đâu	1079
36.	In ấn (Trừ in, tráng bao bì kim loại; in trên các sản phẩm vải sợi, dệt, may đan)	1811
37.	Dịch vụ liên quan đến in (Trừ rập khuôn tem)	1812
38.	Sản xuất hoá chất cơ bản (không hoạt động tại trụ sở)	2011
39.	Sản xuất mỹ phẩm, xà phòng, chất tẩy rửa, làm bóng và chế phẩm vệ sinh	2023
40.	Sản xuất sản phẩm hoá chất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Hóa chất, chế phẩm diệt côn trùng, diệt khuẩn trong lĩnh vực gia dụng y tế (Chương II, V Nghị định 91/2016/NĐ-CP) - Sản xuất giê la tin và dẫn xuất giê la tin, keo hồ và các chất đã được pha chế, bao gồm kẹo cao su; - Sản xuất chiết xuất của các sản phẩm hương liệu tự nhiên; - Sản xuất nước hương liệu nguyên chất chưng cất; - Sản xuất sản phẩm hỗn hợp có mùi thơm dùng cho sản xuất nước hoa hoặc thực phẩm;	2029
41.	Sản xuất sợi nhân tạo	2030
42.	Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu Chi tiết: Sản xuất dược liệu	2100
43.	Sản xuất săm, lốp cao su; đắp và tái chế lốp cao su	2211
44.	Sản xuất linh kiện điện tử	2610
45.	Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng	2640
46.	Sản xuất thiết bị điện khác	2790
47.	Sản xuất máy thông dụng khác Chi tiết: Sản xuất tủ lạnh, sản xuất máy điều hòa nhiệt độ, sản xuất máy đóng gói, sản xuất máy làm sạch, máy sấy khô chai cho sản xuất đồ uống, sản xuất máy hóa lỏng khí và gas, sản xuất máy cung cấp ga.	2819
48.	Sản xuất thân xe ô tô và xe có động cơ khác, rơ moóc và bán rơ moóc	2920
49.	Sản xuất phụ tùng và bộ phận phụ trợ cho xe ô tô và xe có động cơ khác	2930

50.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ các loại hàng hóa Nhà nước cấm)	4774
51.	Bán lẻ lương thực, thực phẩm, đồ uống, thuốc lá, thuốc Lào lưu động hoặc tại chợ (Trừ loại nhà nước cấm)	4781
52.	Bán lẻ thiết bị gia đình khác lưu động hoặc tại chợ	4784
53.	Bán lẻ hàng hóa khác lưu động hoặc tại chợ	4789
54.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (Trừ hoạt động đấu giá)	4791
55.	Bán lẻ hình thức khác chưa được phân vào đâu (Trừ hoạt động đấu giá)	4799
56.	Vận tải hành khách đường bộ khác Chi tiết: - Kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng (Điều 7 Nghị định 10/2020/NĐ-CP) - Kinh doanh vận chuyển khách du lịch bằng xe ô tô (Điều 8 Nghị định 10/2020/NĐ-CP)	4932
57.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ Chi tiết: Kinh doanh vận tải hàng hóa bằng xe ô tô (Điều 9 Nghị định 10/2020/NĐ-CP, 100% lái xe phải là công dân Việt Nam) (Trừ hóa lỏng khí để vận chuyển)	4933
58.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (Trừ kinh doanh bất động sản)	5210
59.	Bốc xếp hàng hóa (trừ bốc xếp hàng hóa cảng hàng không)	5224
60.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
61.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải Chi tiết: - Logistics (Quy định tại Nghị định 163/2017/NĐ-CP) - Gửi hàng; - Sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường sắt, đường bộ, đường biển; - Giao nhận hàng hóa; - Thu, phát các chứng từ vận tải hoặc vận đơn; - Hoạt động của các đại lý bán vé máy bay; (trừ các loại dịch vụ liên quan đến vận tải hàng không)	5229

62.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Khách sạn (không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát karaoke, vũ trường và kinh doanh bất động sản), Biệt thự hoặc căn hộ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà khách, nhà nghỉ kinh doanh dịch vụ lưu trú ngắn ngày, Nhà trọ, phòng trọ và các cơ sở lưu trú tương tự	5510
63.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường)	5610
64.	Cung cấp dịch vụ ăn uống theo hợp đồng không thường xuyên với khách hàng	5621
65.	Dịch vụ ăn uống khác Chi tiết: - Hoạt động nhượng quyền kinh doanh ăn uống; - Cung cấp suất ăn theo hợp đồng; - Hoạt động nhượng quyền cung cấp đồ ăn uống tại các cuộc thi đấu thể thao và các sự kiện tương tự; - Hoạt động của các căng tin và hàng ăn tự phục vụ (ví dụ: căng tin cơ quan, nhà máy, bệnh viện, trường học) trên cơ sở nhượng quyền. (trừ cung cấp suất ăn hàng không)	5629
66.	Dịch vụ phục vụ đồ uống Chi tiết: Quán cà phê, giải khát	5630
67.	Cho thuê đồ dùng cá nhân và gia đình khác	7729
68.	Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác không kèm người điều khiển	7730
69.	Cho thuê tài sản vô hình phi tài chính	7740
70.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
71.	Sản xuất mô tô, xe máy	3091
72.	Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế (không hoạt động tại trụ sở)	3100
73.	Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng	3250
74.	Sản xuất khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: Sản xuất pháp cứu sinh, sản xuất mặt nạ khí ga, sản xuất mũ nhựa cứng và các thiết bị bảo hiểm cá nhân (mũ bảo hiểm thể thao,...)...	3290
75.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
76.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763

77.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh	4772
78.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (Trừ hoạt động kinh doanh vàng, súng, đạn, tem và tiền kim khí)	4773

6. Vốn điều lệ: 16.800.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

7. Số cổ phần được quyền chào bán: 1.680.000

8. Cổ đông sáng lập:

STT	Tên cổ đông	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ)	Tỷ lệ (%)	Số giấy CMND (hoặc số chứng thực cá nhân khác); Mã số doanh nghiệp; Số quyết định thành lập	Ghi chú
1	NGUYỄN VĂN TÌNH	Thôn Thắng Yên, Xã Thượng Vũ, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	554.400	5.544.000.000	33,000	030094014268	
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000		
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000		
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000		
			Tổng số	554.400	5.544.000.000	33,000		

2	NGUYỄN QUANG TÙNG	Số nhà 17, ngách 11, ngõ 565 đường Nguyễn Trãi, Phường Văn Quán, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	554.400	5.544.000.000	33,000	001083058986
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	554.400	5.544.000.000	33,000	
3	NGUYỄN VĂN THỦY	TDP 5 Mễ Trì Hạ, Phường Mễ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam	Cổ phần phổ thông	571.200	5.712.000.000	34,000	033073001023
			Cổ phần ưu đãi biểu quyết	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi cổ tức	0	0	0,000	
			Cổ phần ưu đãi hoàn lại	0	0	0,000	
			Các cổ phần ưu đãi khác	0	0	0,000	
			Tổng số	571.200	5.712.000.000	34,000	

9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

STT	Tên cổ đông	Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Loại cổ phần	Số cổ phần	Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức	Ghi chú
-----	-------------	--	--------------	------------	---	-----------	---	---------

10. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: NGUYỄN VĂN BÌNH

Giới tính: Nam

Chức danh: *Tổng giám đốc*

Sinh ngày: 03/07/1994

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 030094014268

Ngày cấp: 05/10/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn Thắng Yên, Xã Thượng Vũ, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn Thắng Yên, Xã Thượng Vũ, Huyện Kim Thành, Tỉnh Hải Dương, Việt Nam*

11. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội